

# BE-STEDY

(Viên nén Betahistine Dihydrochloride)

## THÀNH PHẦN

### **BE-STEDY 16**

Mỗi viên nén có chứa:

- *Hoạt chất:*

Betahistine Dihydrochloride 16 mg

- *Tá dược:* Microcrystalline Cellulose, Mannitol, Povidone, Crospovidone, Citric acid, Colloidal Silica khan, Talc, Stearic acid

### **BE-STEDY 24**

Mỗi viên nén có chứa:

- *Hoạt chất:*

Betahistine Dihydrochloride 24 mg

- *Tá dược:* Microcrystalline Cellulose, Mannitol, Povidone, Crospovidone, Citric acid, Colloidal Silica khan, Talc, Stearic acid

## CHỈ ĐỊNH

Betahistine được chỉ định để điều trị chứng chóng mặt, ù tai và mất thính giác liên quan đến hội chứng Meniere.

## LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG

Người lớn (kể cả người cao tuổi):

Bắt đầu điều trị bằng đường uống với liều 8-16mg/ lần, mỗi ngày 3 lần dùng cùng với bữa ăn. Liều duy trì thông thường là 24-48 mg mỗi ngày.

Trẻ em: Không có liều khuyến cáo dùng cho trẻ em.

## CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Chống chỉ định với bệnh nhân bị u tuyến thượng thận, quá mẫn với Betahistine Dihydrochloride hoặc bất cứ thành phần nào của thuốc.

## LƯU Ý VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG:

Cần thận trọng trong điều trị với bệnh nhân có tiền sử loét dạ dày tá tràng. Trên lâm sàng, đã phát hiện thấy betahistine không dung nạp ở một ít bệnh nhân bị hen phế quản. Các bệnh nhân này cần được theo dõi cẩn thận khi đang dùng thuốc.

## TƯƠNG TÁC THUỐC

Chưa có tương tác thuốc nào được biết.

## SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Hiện chưa có đủ dữ liệu về việc sử dụng Betahistine ở phụ nữ đang mang thai. Nguy cơ xảy ra cho người là chưa được biết. Không nên dùng betahistine trong suốt thai kỳ trừ khi thật sự cần thiết.

Người ta chưa biết liệu nó có tiết vào sữa mẹ hay không. Sự quan trọng của thuốc đối với bà mẹ đang cho con bú cần phải được cân nhắc giữa lợi ích và nguy cơ xảy ra cho trẻ.

## TÁC DỤNG LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Betahistine được coi là không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe hoặc sử dụng máy móc, chưa tìm thấy có tác dụng nào của Betahistine mà ảnh hưởng đến khả năng này.

## **TÁC DỤNG PHỤ**

Rối loạn tiêu hóa:

Thường gặp: Buồn nôn và khó tiêu

Các rối loạn dạ dày nhẹ (như là nôn, đau dạ dày, đầy bụng và đầy hơi). Những triệu chứng này có thể loại bỏ được bằng cách uống thuốc giữa bữa ăn hoặc là giảm liều.

Rối loạn hệ miễn dịch:

Phản ứng quá mẫn, như là sốc phản vệ.

Rối loạn hệ thần kinh:

Đau đầu.

Rối loạn về da và mô dưới da:

Phản ứng quá mẫn tại da và mô dưới da; phù dây thần kinh đặc hiệu, nổi mề đay, phát ban và ngứa.

***Thông báo cho Bác sĩ các tác dụng phụ gặp phải khi sử dụng thuốc***

## **DƯỢC LỰC HỌC:**

Betahistine là một chất chủ vận histamine chuyên biệt, hầu như không có tác dụng tại H<sub>2</sub>. Nó có tác động tại cơ vòng tiền mao mạch trong động mạch cảnh tai trong, dẫn đến làm giảm áp suất nội dịch.

## **DƯỢC ĐỘNG HỌC**

Sau khi uống, Betahistine được hấp thu nhanh chóng và hoàn toàn. Hầu hết được bài tiết qua nước tiểu ở dạng acid 2-pyridylacetic trong vòng 24 giờ sau khi dùng thuốc. Không phát hiện thấy betahistine dihydrochloride ở dạng không đổi.

## **QUÁ LIỀU**

Những triệu chứng của quá liều betahistine là buồn nôn, nôn, khó tiêu, mất điều hòa và co giật ở liều cao. Các biến chứng nghiêm trọng (như là co giật, biến chứng ở phổi hoặc tim) đã được quan sát thấy trong trường hợp quá liều có chủ ý betahistine, đặc biệt là khi kết hợp các thuốc quá liều khác. Điều trị quá liều nên bao gồm các biện pháp hỗ trợ tiêu chuẩn.

**BẢO QUẢN:** Không bảo quản trên 30°C. Tránh ánh sáng và ẩm.

**HẠN SỬ DỤNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**TIÊU CHUẨN:** Nhà sản xuất.

**DẠNG TRÌNH BÀY:** Hộp 10 vỉ x 10 viên.

- **Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.**
- **Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.**
- **Thuốc này chỉ dùng theo sự kê đơn của thầy thuốc.**
- **Để xa tầm tay trẻ em.**

***Sản xuất bởi:***



**AUROBINDO**

**AUROBINDO PHARMA LIMITED.**

Unit III, Survey No. 313, Bachupally village, Quthbullapur Mandal, Ranga Reddy District, (A.P.), Ấn Độ